

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 9 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũ và ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 182/2017/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 8 năm 2017, về việc “Tranh chấp ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 8 năm 2017; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1959 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm M, thị trấn C, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/8/2017, cùng các văn bản kèm theo và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T trình bày: Về hôn nhân: Vào năm 1989, bà (Nguyễn Thị T) và ông Nguyễn Hoàng D chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn cụ thể do ông D thường xuyên ăn nhậu, khi say sưa ông D thường xuyên chửi thậm chí đánh đập bà. Mâu thuẫn kéo dài không thể hòa giải hàn gắn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Cả hai không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay. Bà và ông D đã tự hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không mang lại kết quả. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng D. Về con chung, có 02 người là Nguyễn Tr L1 (giới tính nữ) sinh năm 1990 và Nguyễn Tr L2 (giới tính nữ) sinh năm 1995. Hiện con chung đều trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 21/8/2017 và tại phiên tòa, ông Nguyễn Hoàng D trình bày: Về hôn nhân, ông thống nhất phần trình bày của bà T về thời gian chung sống và việc không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian vợ chồng sau phát sinh mâu thuẫn và sự việc kéo dài theo ông cụ thể xuất phát từ tiền bạc. Ông thừa nhận cũng có lúc nhậu về bực tức đánh đập bà T, giữa ông và bà T không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2017 cho đến nay. Xét thấy không thể tiếp tục chung sống, bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Về con chung, có 02 người là Nguyễn Tr L1 (giới tính nữ) sinh năm 1990 và Nguyễn Tr L2 (giới tính nữ) sinh năm 1995. Hiện con chung đều trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Hoàng D nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về hôn nhân, bà T và ông D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của bà T và ông D là hôn nhân không hợp pháp do đã vi phạm quy định về đăng ký kết hôn theo Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, bà T và ông D không được công nhận là vợ chồng. Về mâu thuẫn, bà T cho rằng do ông D thường nhậu say sưa về đánh đập bà, ông D thừa nhận có đánh đập đồng thời cho rằng mâu thuẫn xuất phát từ tiền bạc. Cả hai thống nhất xác định không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay. Bà T yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý ly hôn. Từ đó, xét thấy việc không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Hoàng D là vợ chồng phù hợp với thực tế. Về con chung, cả hai thống nhất xác định có 02 người là Nguyễn Tr L1 (giới tính nữ) sinh năm 1990 và Nguyễn Tr L2 (giới tính nữ) sinh năm 1995. Hiện con chung đều trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét là phù hợp. Về tài sản chung, cả hai thống nhất xác định không có tài sản chung, đồng thời không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3]. Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Hoàng D là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị T đã nộp tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006659, ngày 03/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân
(khi án có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước